

Bản án số: 85/2020/HS-PT  
Ngày: 21 -9-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Thị Quý Chi

Ông Nguyễn Văn Thư.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:***  
Bà Đàm Thị Vang- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 102/2020/TLPT - HS ngày 24 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L và bị hại ông Đặng Quốc L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh Bình Phước.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

**1. NGUYỄN VĂN T**, sinh năm 2000 tại Nghệ An; HKTT: xóm 5, xã S, Huyện Y, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: tổ 3, ấp 2, xã T, Huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc kết án về hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 20/9/2019 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. NGUYỄN VĂN L**, sinh năm 1996 tại Nghệ An; ; HKTT: xóm Đ, xã L, Huyện Y, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: ấp 4, xã T, Huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị T; vợ Võ Thị Xuân D và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

Bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc kết án về hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 20/9/2019 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Đặng Quốc L, sinh năm 1972; Nơi cư trú: khu phố 7, thị trấn T, Hện H, tỉnh Bình Phước. Có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Luật sư H Minh Q – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H; Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:*

1. Anh Võ Đức H, sinh năm 1994; Địa chỉ: tổ 14, ấp 4, xã T, Hện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

2. Bùi Văn H, sinh năm 2000; Địa chỉ: tổ 5, ấp 4, xã T, B, tỉnh B. Vắng mặt

3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; Địa chỉ: tổ 3, ấp 2, xã T, Hện C, tỉnh Bình Phước. Có mặt

4. Nguyễn Văn K, sinh năm 2002; Địa chỉ: tổ 3, ấp 2, xã T, Hện C, tỉnh Bình Phước. Có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Năm 2009, ông Đặng Quốc L, sinh năm 1972, nơi cư trú: ấp 7, thị trấn T, Hện H, tỉnh Bình Phước và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984, chỗ ở: ấp 2, xã T, Hện C nảy sinh tình cảm với nhau và có một người con chung là Đặng Quốc T, sinh năm 2011 nhưng cả hai không có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Đến tháng 03/2017, ông L và chị N cùng nhau xây cất một căn nhà lầu (một tầng trệt và một tầng lầu) tại tổ 3, ấp 2, xã T để ở chung. Sau đó, chị N cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 (mẹ chị N), Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K, sinh năm 2002 (đều là cháu chị N) vào ở chung căn nhà này.

Thời điểm cuối năm 2018, giữa ông L và chị N nảy sinh mâu thuẫn, tranh giành tài sản là căn nhà và thửa đất xây cất căn nhà nên ông L và chị N nhiều lần cãi nhau và xô sát, ông L yêu cầu bà H, T và K không được ở trong căn nhà nữa vì căn nhà là tài sản của ông L. Sau đó, ông L về ở cùng vợ là Trần Thị H tại ấp 7, thị trấn T, Hện H và thỉnh thoảng lại đến căn nhà đang tranh giành với chị N để ngủ lại.

Khoảng 12 giờ ngày 20/01/2019, ông L đi xe ô tô con biển số 93A-105.52 chở theo Trần Quang Bình, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp An Tân, xã An Phú,

Hện H và Phạm Mạnh Q, sinh năm 1983, nơi cư trú: Khu phố H, Phường H, TX. B đến nhà chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 tại ấp 2, xã T chơi và ăn cơm trưa (N là em ruột chị N). Đến khoảng 13h cùng ngày 20/01/2019, chị N và anh Lê Phước T (chồng chị N) đi xe mô tô đến căn nhà mà ông L và chị N đang tranh giành, nơi bà H đang ở để chơi. Do vậy, ông L đi xe ô tô biển số 93A-105.52 chở B và Q cùng đến gặp bà H để nói chuyện. Khi chị N, anh T, ông L, B và Q vào nhà thì giữa ông L và bà H cãi nhau. Ông L yêu cầu bà H dọn đồ đi ra khỏi nhà nhưng bà H nói nhà là của chị N nên không đi. Trong lúc cãi nhau thì ông L xô đẩy làm bà H té ngã. Sau khi bị ông L đẩy té ngã, bà H điện thoại báo tin cho Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn T (đều là cháu nội bà H) biết và kêu T và K về nhà. Khi đó, K đang đi chơi nên K chạy xe mô tô về nhà, còn T đang nhậu cùng với Võ Đức H, sinh năm 1994, tạm trú: ấp 4, xã Trừ Văn T, Hện B, tỉnh Bình Dương và Nguyễn Văn L nên T nói cho L và H biết việc ông L đến nhà T quậy phá, chiếm đất đai và đòi đuổi T ra khỏi nhà. T nhờ L và H đi về nhà phụ đánh ông L thì cả hai đồng ý. Đồng thời, T nhắn tin cho bạn là Bùi Văn H, sinh năm 2000, nơi cư trú: ấp 4, xã Trừ Văn T, Hện B để nhờ H phụ đánh ông L thì H đồng ý. Sau đó, T chạy xe mô tô về nhà trước, H và L chạy sau. Còn H đi xe mô tô Dream biển số 60Y1-2710 đến gặp Lê Ngọc V, sinh ngày 14/9/2005, nơi cư trú: ấp 1, xã T, Hện C mượn bình xịt hơi cay để sử dụng đánh nhau. Sau khi mượn được bình xịt hơi cay thì H chạy xe đến nhà T.

Khi T, L, H và H đến nhà thì T đi lên lầu lấy 01 cây tuýp sắt, dài khoảng 60cm và đi xuống phòng khách gặp ông L nói chuyện, còn L, H và H đứng ngoài sân. T vào hỏi ông L “sao ông đánh bà tôi” thì ông L không trả lời mà giằng co với T để lấy cây tuýp sắt. K chạy vào can ngăn ôm ông L kéo ra ngoài thì T giật được cây tuýp sắt đánh ông L 01 cái vào vai. Ông L bỏ chạy lên cầu thang nhưng T đuổi theo dùng tuýp sắt đánh ông L 01 cái vào lưng thì ông L quay lại dùng chân đạp T và tiếp tục giằng co với T để lấy cây tuýp sắt. Khi đó, chị N, H và L chạy đến thì chị N và H cùng nắm giữ cây tuýp sắt để can ngăn. Ông L giằng co và dùng tay đâm vào mặt H 01 cái nhưng H vẫn nắm cây tuýp sắt và sau đó giật được cây tuýp sắt, còn L thì đứng nhìn. Thấy vậy, T đi lại bếp lấy 02 con dao để đe dọa ông L thì được chị N can ngăn lấy 02 con dao cất giữ. T quay sang giật lấy cây tuýp sắt mà H đang cầm và đánh ông L 01 cái vào lưng thì ông L bỏ chạy theo cầu thang lên lầu.

Thấy ông L bỏ chạy lên lầu thì L hỏi T “ai là người đến quậy phá nhà” thì T chỉ ông L và nói “con chó đó nó phá nhà, chiếm đất đai” nên L liền giật cây tuýp sắt T đang cầm và đi lên lầu tìm ông L để đánh. Khi thấy ông L đứng trước cửa phòng thì L dùng tuýp sắt đánh nên ông L đưa tay lên đỡ, làm đầu cây tuýp sắt trúng vào trán ông L gây thương tích chảy máu. Ông L nắm được cây tuýp sắt và giằng co với L. Cùng lúc, H đi từ cầu thang lên lầu thấy vậy chạy đến can ngăn nắm giữ cây tuýp sắt. H yêu cầu ông L buông cây tuýp sắt ra nhưng ông L không đồng ý, ông L dùng tay bóp cổ L và đẩy ra nên L đâm vào mặt ông L 02-03 cái.

Đồng thời, ông L dùng tay đánh vào mặt H nên H dùng tay đánh lại ông L 05-06 cái vào vai và cổ. Khi ông L, L và H đang xô sát thì T, H và anh Thành chạy từ cầu thang lên lầu, thấy vậy nên H chạy đến can ngăn nhưng bị cả ba người đang giằng co, làm đầu cây tuýp sắt trúng vào tay H, còn anh Thành can ngăn đẩy L và H ra. Do H can ngăn nhưng không được nên H dùng bình xịt hơi cay mang theo xịt vào vị trí nơi L, H và ông L đang đứng làm hơi cay dính vào mắt thì L, H và ông L buông nhau ra không xô sát nữa. Sau đó, T, L, H và H bỏ đi xuống tầng trệt, còn ông L bị thương nên được anh Thành dìu đi xuống tầng trệt và đi cấp cứu. (bút lục số 69 – 93; 94 – 110; 111 – 122)

Sau khi bị thương tích, ông Đặng Quốc L điều khiển xe ô tô đến Phòng khám 24/24h tại thị trấn C để băng bó vết thương. Sau đó, ông L đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương khám và cấp giấy chứng nhận thương tích.

Giấy chứng nhận thương tích số 155/CN ngày 22/01/2019 của Bệnh viện đa Khoa tỉnh Bình Dương xác định tình trạng thương tích của ông Đặng Quốc L như sau: Vết thương trán #3cm đã khô, xây xát da thành ngực + Lưng, sung nề gối trái + hạn chế động tác duỗi, xây xát + sung nề 1/3 trên mặt sau cẳng tay trái. Bụng mềm, tim đều, phổi thô, sinh hiệu ổn.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 102/2019/TgT ngày 03/4/2019 của Trung tâm Pháp y Bình Phước xác định ông Đặng Quốc L bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là **03%** (ba phần trăm).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân Hện C, tỉnh Bình Phước đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 134; điểm b; i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50; 38, 17, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**1.** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

**2.** Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 29/9/2019

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 29/9/2019

**3.** Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 590 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Đặng Quốc L số tiền 5.058.850 đồng (Năm triệu không trăm năm mươi tám ngàn tám trăm năm mươi đồng).

Tách yêu cầu đòi bồi thường tiền xe đi lại điều trị thương tích, tiền công thuê người dạy trong thời gian bị thương, tiền bù đắp tổn thất tinh thần, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe ra giải quyết bằng một vụ án khác khi người bị hại có yêu cầu.

*Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về việc xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại theo quy định pháp luật.*

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/6/2020, bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo xin được cho hưởng án treo.

Ngày 11/6/2020 bị hại ông Đặng Quốc L có đơn kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo; đề nghị giải quyết buộc các bị cáo bồi thường cho ông L số tiền 114.185.000 đồng; đề nghị đưa bà Nguyễn Thị N là chủ mưu trong vụ án này cùng Nguyễn Văn K, Bùi Văn H, Lê Ngọc V, Võ Đức H là người giúp sức, là đồng phạm trong vụ án để chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L và bị hại Đặng Quốc L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

#### **Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo T và L, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt và yêu cầu kháng cáo đề nghị đưa Nguyễn Thị N là chủ mưu cùng Nguyễn Văn K, Bùi Văn H, Lê Ngọc V, Võ Đức H là người giúp sức, là đồng phạm để chịu trách nhiệm hình sự của bị hại ông L, giữ nguyên phần bản án hình sự sơ thẩm số 45/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Bình Phước về phân trách nhiệm hình sự; Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 45/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân huyện C về phân trách nhiệm dân sự, theo đó buộc bị cáo T, L phải bồi thường thêm cho ông L số tiền tổn thất tinh thần là 3.000.000 đồng, tổng số tiền bồi thường là 8.058.850 đồng.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L và người bị hại Đặng Quốc L được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người bị hại ông Đặng Quốc L có đơn khiếu nại, tố cáo, gồm các nội dung sau:

+ Nội dung thứ nhất: Ngày 30/3/2018, tại nhà ông L, chị N tại tổ 3, ấp 2, xã T, Huyện C, tỉnh Bình Phước, ông đã bị mất trộm 100.000.000đồng, ông đã trình báo Công an xã T nhưng sự việc đến nay chưa được giải quyết.

+ Nội dung thứ hai: Chị N đã lấy tiền của ông tiêu xài khi chưa được sự đồng ý của ông. Ngày 25/6/2018, bà H dung gây sát đánh ông gây thương tích.

+ Nội dung thứ ba; Ngày 27/7/2018, ông L tố cáo chị N có hành vi lấy cắp hợp đồng nguyên tắc số 393 thửa đất mang tên Đặng Quốc L đến Văn phòng công chứng lập hợp đồng giả mạo để chiếm đoạt tài sản của ông.

+ Nội dung thứ tư: Vào ngày 20/01/2019, bà H, Chị N đã gọi điện cho nhóm côn đồ đến đánh ông, chấn thương sọ não.

+ Nội dung thứ năm: Ngày 04/6/2019, ông L tố cáo bà H và người nhà bà H dung kéo dâm vào bụng nhưng ông đã né được.

+ Nội dung thứ sáu: Ngày 12/6/2019, tố cáo nghi anh Tài (bạn chị N) trộm cắp của ông số tiền 35.000.000đồng để trong xe ô tô.

+ Nội dung thứ bảy: Ngày 14/8/2019, tố cáo chị N và người nhà chị N dung đá ném vào xe ô tô của ông làm móp cẳng xe phía sau.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong bảy nội dung trên, nội dung thứ tư có liên quan đến nội dung sự việc của vụ án, liên quan đến nội dung kháng cáo nên được xem xét ở phần [3] nhận định. Những nội dung còn lại (sáu nội dung), căn cứ vào Điều 298, 330 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử không xem xét, nhưng Hội đồng xét xử có giải thích cho L về quyền yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét giải quyết theo quy định tại chương XXXIII Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn L xin được hưởng án treo, thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ nhận định hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại một chỉ vì duyên cớ nhỏ nhặt, trước đó không

có mâu thuẫn gì lớn nhưng các bị cáo lại cố ý thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường một phần thiệt hại và cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b; i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trong giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa, các bị cáo cũng không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Xét thấy, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Về kháng cáo xin được áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, xét thấy: do hành vi của các bị cáo “phạm tội có tính chất côn đồ” nên căn cứ quy định tại khoản 1 điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo thì trường hợp phạm tội của các bị cáo không được hưởng án treo. Vì vậy, kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của người bị hại ông Đặng Quốc L đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L; Đưa Nguyễn Thị N là chủ mưu trong vụ án này, Nguyễn Văn K, Bùi Văn H, Lê Ngọc V, Võ Đức H là người giúp sức, là đồng phạm trong vụ án để chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; Yêu cầu xem xét buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền là 114.185.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Đối với nội dung kháng cáo thứ nhất, đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L. Nội dung này đã được xem xét, đánh giá ở phần [3] (phần xét kháng cáo của các bị cáo) nên kháng cáo của người bị hại phần này không được chấp nhận.

[4.2] Đối với nội dung kháng cáo thứ hai, đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị N, Bùi Văn H, Lê Ngọc V, Võ Đức H, Nguyễn Văn K. Lý do, những người này là đồng phạm trong vụ án; trong đó Nguyễn Thị N là chủ mưu; Bùi Văn H, Lê Ngọc V, Võ Đức H là người giúp sức thấy rằng:

Qua kết quả thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy, không có một tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh Nguyễn Thị N là người chủ mưu; còn Bùi Văn H, Lê Ngọc V, Võ Đức H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L là bạn bè quen biết từ trước. Do khi T đang nhậu cùng với Võ Đức H và Nguyễn Văn L thì nhận được điện thoại của bà H (là bà nội của T) báo T biết việc ông L đến nhà T quây phá, chiếm đất đai và đòi đuổi T ra khỏi nhà thì T nói cho L và H biết và rủ L và

H đi về nhà ông L thì cả hai đồng ý. Đồng thời, T nhắn tin cho bạn là Bùi Văn H đến nhà ông L thì H cũng đồng ý. Sau đó, T chạy xe mô tô về nhà trước, H và L chạy sau. Còn H đi xe mô tô Dream biển số 60Y1-2710 đến gặp Lê Ngọc V ở xã T mượn bình xịt hơi cay để sử dụng. Sau khi mượn được bình hơi cay thì H chạy xe đến nhà ông L. Việc K, H, Vũ, H là những người bạn của T nhận lời T đến nhà ông L để phụ đánh chỉ là sự nhất thời, nể nang bạn bè; không có chứng cứ nào khác để chứng minh Ngân, T và những người này đã có sự bàn bạc, lên kế hoạch gì trước hoặc thể hiện quyết tâm phải đánh ông L cho bằng được. Hơn nữa, khi về đến nhà thì chỉ có T, L dùng cây tuýp sắt đánh ông L gây thương tích 03%, còn H, H, K không đánh ông L mà có hành vi can ngăn. Việc H có dùng tay đánh ông L là khi H vào can ngăn giằng co cây tuýp sắt thì ông L bóp cổ và đánh H nên H có đánh lại ông L nhưng không gây thương tích gì. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá hành vi là hoàn toàn khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đặc biệt là phù hợp với Kết luận giám định số 10/2019/GĐ-KTS ngày 19/6/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước đối với 02 tập tin Video được trích xuất thành 75 tập tin hình ảnh diễn biến sự việc xảy ra ngày 20/01/2019 tại nhà ông L.

Xét tính chất, mức độ hành vi của Võ Đức H (đánh ông L lúc can ngăn), Bùi Văn H (dùng bình xịt hơi cay để can ngăn và không đánh ông L) tuy là có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác (theo khoản 2 Điều 8 Bộ luật hình sự). Riêng Lê Ngọc V, Nguyễn Thị N không biết và cũng không tham gia nên không có căn cứ xử lý nên kháng cáo của ông Đặng Quốc L về phần này là không có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Đối với nội dung kháng cáo thứ ba: Người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tổng số tiền 114.185.850 đồng. Bao gồm những khoản tiền sau :

- Tiền viện phí, chi phí điều trị thương tích là: 3.058.850 đồng;
- Tiền công thuê người chăm sóc do bị đánh gây thương tích: 2.000.000 đồng;
- Tiền xe đi lại điều trị thương tích: 3.200.000 đồng;
- Tiền công thuê người dạy trong thời gian bị thương tích: 39.900.000 đồng;
- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 21.000.000 đồng;
- Tiền thu nhập thực tế bị mất: 500.000 đ x 60 ngày = 30.000.000 đồng;
- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 250.000đ x 60 ngày = 15.000.000 đồng.



Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại thay đổi yêu cầu bồi thường khoản tiền Tiền bù đắp tổn thất tinh thần bằng 50 tháng lương cơ bản là 1.490.000 đồng x 50= 74.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo chỉ đồng ý bồi thường các khoản tiền sau: Tiền viện phí, chi phí điều trị thương tích là: 3.058.850 đồng và tiền công thuê người chăm sóc do bị đánh gây thương tích: 2.000.000 đồng, các khoản này đã có tài liệu hóa đơn, chứng từ chứng minh nên được cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Đối với các khoản khác như chi phí tiền xe đi lại điều trị thương tích, tiền công thuê người dạy trong thời gian bị thương, tiền bù đắp tổn thất tinh thần, Tiền thu nhập thực tế bị mất, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, ông L chưa cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh những khoản tiền trên nên cấp sơ thẩm nhận định không có cơ sở xem xét giải quyết trong vụ án này mà tách ra thành vụ án khác khi ông L cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, xét thấy đối với yêu cầu về khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần đã được quy định rõ tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự 2015, theo đó có quy định “... *Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định*”; vì vậy cần xem xét yêu cầu này mà không được tách ra với lý do chưa có điều kiện để chứng minh (theo điều 30 BLTTHS). Do đó cấp phúc thẩm bổ sung khoản yêu cầu này. Cụ thể, xét ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì cụ thể để chứng minh rằng mình hoặc gia đình đã bị tổn thất về tinh thần nên yêu cầu bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần bằng 50 tháng lương cơ bản là 74.500.000 đồng không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên xét thấy do các bên không thỏa thuận được nên Hội đồng xét xử quyết định các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 3.000.000 đồng như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là hợp lý. Tổng số tiền buộc 02 bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông L là (5.058.850 đồng + 3.000.000 đồng) = 8.058.850 đồng.

Như vậy kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L xin hưởng án treo không được chấp nhận; kháng cáo của người bị hại ông Đặng Quốc L không được chấp nhận về phần hình sự nên giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân Hện C, tỉnh Bình Phước về trách nhiệm hình sự của các bị cáo, chỉ sửa một phần về trách nhiệm dân sự.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật, người bị hại không phải chịu.

[7] Án phí dân sự: Do bị cáo T và L phải liên đới bồi thường cho ông L số tiền 8.058.850 đồng nên bị cáo T, L mỗi người phải chịu án phí số tiền là 201.471 đồng.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L xin được hưởng án treo.

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Đặng Quốc L về phần trách nhiệm hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại ông Đặng Quốc L về phần trách nhiệm dân sự.

1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Bình Phước về phần trách nhiệm hình sự. Cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 134; điểm b; i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50; 38, 17, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 20/9/2019.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 20/9/2019.

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Bình Phước về phần trách nhiệm dân sự. Cụ thể:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 590 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Đặng Quốc L số tiền 8.058.850 đồng (Tám triệu không trăm năm mươi tám ngàn tám trăm năm mươi đồng).

Tách yêu cầu đòi bồi thường tiền xe đi lại điều trị thương tích, tiền công thuê người dạy trong thời gian bị thương, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe ra giải quyết bằng một vụ án khác khi người bị hại có yêu cầu.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L phải chịu là 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L phải chịu là 201.471 đồng.

Án phí hình sự phúc thẩm: Mỗi bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L phải chịu là 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.***

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (1)
- TAND, VKSND Chon Thành; (2)
- Chi cục THADS Chon Thành; (1)
- Công an Hện C; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ nghiệp vụ; Lưu. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thanh Thảo**



**Bùi Thanh Thảo**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Nguyễn Văn ThưĐinh Thị Quý Chi**

**Bùi Thanh Thảo**